

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 18 /2020/DS-ST

Ngày 18 / 05 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** ông Trần Văn Xuyên
- **Các Hội thẩm nhân dân:** ông Nguyễn Quang Liêu, ông Nguyễn Mạnh Dũng
- **Thư ký phiên tòa:** ông Trần Thế vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:** ông An Bắc Lùng – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong các ngày 15 và 18 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/DS- ST ngày 24 tháng 04 năm 2020. về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa ra xét xử số 45 /2020 /QĐST-DS ngày 28 tháng 04 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên Đơn bà Võ Th N; Sinh năm 1964 (Có mặt)
Địa chỉ : Thôn 12, xã Th Nh , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.
- Bị đơn Điều G; Sinh năm 1986 (Có mặt)
Điều T C; Sinh năm 1987(Có mặt)
Địa chỉ : Thôn 12, xã Th Nh , huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/03/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- Ngày 05/05/2018 dương lịch tôi có cho vợ chồng Điều G, Điều T C vay số tiền 200.000.000đ, ngày trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 dương lịch, lãi suất 3%/1 tháng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Ngày 03/7/2018 dương lịch tôi có cho vợ chồng Điều G, Điều T C vay tiếp số tiền 100.000.000đ, ngày trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 dương lịch, lãi suất 3%/1 tháng.

- Ngày 07/7/2018 dương lịch tôi có cho vợ chồng Điều G, Điều T C vay tiếp số tiền 150.000.000đ, ngày trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 dương lịch, lãi suất 3%/1 tháng.

Ngoài ra sau đó mấy ngày còn vay thêm 5.000.000đ nữa không tính lãi suất , và cũng hẹn trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 dương lịch .

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng Điều G, Điều T C phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 455.000.000đ, tiền lãi trong hạn và quá hạn từ khi vay đến nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu trả lãi suất với số tiền vay 5.000.000 đ.

- Bị đơn Điều G, Điều T C trình bày: Các khoản vay tiền mà nguyên đơn đã trình bày như trên là đúng, tiền lãi không đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn vì lãi suất cao mà chỉ đồng ý trả mức lãi theo quy định pháp luật , toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi đồng ý trả theo quy định pháp luật nhưng xin trả dần vì gia đình khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về tổng số tiền đã vay 455.000.000đ đến nay bị đơn chưa trả, bị đơn thừa nhận là đúng, đến nay chưa trả vì hoàn cảnh gia đình khó khăn xin trả dần.

Như vậy các bên đã vay mượn tiền là đúng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả nguyên đơn tổng số tiền đã vay 455.000.000đ.

Về lãi suất, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận cao hơn quy định pháp luật và có tranh chấp về lãi suất nên cần tính lại cho phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS cụ thể:

1/ Số tiền vay 200.000.000đ vào ngày 05/05/2018, ngày trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 là 12 tháng.

$$200.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 19.920.000đ$$

Lãi quá hạn từ ngày 06/5/2019 đến nay 18/5/2020 là 12 tháng 12 ngày

$$200.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 150\% \times 12 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 30.876.000đ$$

2/ Số tiền vay 100.000.000đ vào ngày 03/07/2018, ngày trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 là 10 tháng 2 ngày.

$$100.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 10 \text{ tháng} 2 \text{ ngày} = 8.355.333đ$$

Lãi quá hạn từ ngày 06/5/2019 đến nay 18/5/2020 là 12 tháng 12 ngày

$$100.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 150\% \times 12 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 15.438.000đ.$$

3/ Số tiền vay 150.000.000đ vào ngày 07/7/2018, ngày trả cuối cùng là ngày 05/5/2019 là 09 tháng 28 ngày.

$$150.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} = 12.367.000đ$$

Lãi quá hạn từ ngày 06/5/2019 đến nay 18/5/2020 là 12 tháng 12 ngày

$$150.000.000đ \times 0,83\%/1 \text{ tháng} \times 150\% \times 12 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 23.157.000đ$$

tổng cộng số tiền lãi phải trả là 110.113.333đ

tổng cộng cả gốc và lãi bị đơn phải trả là 565.113.333đ.

4/ Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là :

$$565.113.333đ = 20.000.000đ + (165.113.333 \times 4\%) = 26.604.533đ$$

Chi cục thi hành án dân sự hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.100.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Điều G , Điều T C phải liên đới trả cho bà Võ Th N số tiền gốc 455.000.000đ, tiền lãi 110.113.000đ

Tổng cộng số tiền bị đơn Điều G, Điều T C phải liên đới trả bà Võ Th N 565.113.333đ.

bà Võ Th N trả lại cho bị đơn Điều G , Điều T C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N đang nắm giữ của Điều G , Điều T C sau khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn Điều G, Điều T C phải nộp tiền án phí là 26.604.533đ Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn bà bà Võ Th N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.100.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010221 ngày 24/4/2020.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BD;
- CCTHA huyện BD;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

